

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ THU, NĂM HỌC 2025-2026, KHOÁ TUYỂN SINH 2025
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Lưu ý: mỗi ký tự của dãy 123456789012345...(trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ. Tuần 1 bắt đầu từ ngày 01/9/2025.

Ký tự "1" đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11 của học kỳ.

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
1	31151006	Giải tích thực một biến	25-0101	5	Phạm Quý Mười	25ST1	A6-302	5	Sáng	1	3	-234567890123-----
2	31151006	Giải tích thực một biến	25-0101	5	Phạm Quý Mười	25ST1	B3-202	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
3	31151139	Đại số tuyến tính	25-0101	5	Trương Công Quỳnh	25ST1	A6-502	2	Chiều	10	3	-234567890123-----
4	31151139	Đại số tuyến tính	25-0101	5	Trương Công Quỳnh	25ST1	B3-301	2	Chiều	7	3	-234567890123-----
5	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0103	3	Lê Thị Ngọc Lan	25ST1	B3-401	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
6	31151006	Giải tích thực một biến	25-0102	5	Nguyễn Hoàng Thành	25ST2	A6-502	4	Sáng	4	3	-234567890123-----
7	31151006	Giải tích thực một biến	25-0102	5	Nguyễn Hoàng Thành	25ST2	B3-403	2	Sáng	1	3	-234567890123-----
8	31151139	Đại số tuyến tính	25-0102	5	Trần Nam Sinh	25ST2	A5-303	2	Sáng	4	3	-234567890123-----
9	31151139	Đại số tuyến tính	25-0102	5	Trần Nam Sinh	25ST2	B3-102	2	Chiều	10	3	-234567890123-----
10	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0104	3	Lê Thị Ngọc Lan	25ST2	B3-401	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
11	31121528	Phần mềm toán học	25-0103	2	Nguyễn Lê Tâm	25CKDL	A5-305	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
12	31131080	Đại số tuyến tính	25-0101	3	Nguyễn Đại Dương	25CKDL	A5-305	6	Sáng	4	3	-234567890123-----
13	31131080	Đại số tuyến tính	25-0101	3	Nguyễn Đại Dương	25CKDL	A5-404B	3	Chiều	11	2	-234567890123-----
14	31141001	Toán cơ sở	25-0101	4	Phan Quang Như Anh	25CKDL	B3-102	2	Sáng	1	3	-234567890123-----
15	31141001	Toán cơ sở	25-0101	4	Phan Quang Như Anh	25CKDL	B3-201	3	Sáng	5	2	-234567890123-----
16	31141082	Lập trình Python cơ bản	25-0101	4	Chữ Văn Tiếp	25CKDL	A5-404B	2	Chiều	10	3	-234567890123-----
17	31141082	Lập trình Python cơ bản	25-0101	4	Chữ Văn Tiếp	25CKDL	A6-402	2	Sáng	5	2	-234567890123-----
18	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0126	3	Hoàng Thị Mai Sa	25CKDL	A6-403	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
19	31141001	Toán cơ sở	25-0102	4	Phan Quang Như Anh	25SPT	A5-306	4	Sáng	1	2	-234567890123-----
20	31141001	Toán cơ sở	25-0102	4	Phan Quang Như Anh	25SPT	B1.103	3	Sáng	1	3	-234567890123-----
21	31231032	Lập trình Scratch	25-0101	3	Trần Văn Hưng	25SPT	B1.103	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
22	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	25-0101	3	Đinh Thị Mỹ Hạnh	25SPT	A5-401	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
23	31241014	Toán rời rạc	25-0101	4	Phạm Anh Phương	25SPT	B1.103	5	Sáng	4	2	-234567890123-----
24	31241014	Toán rời rạc	25-0101	4	Phạm Anh Phương	25SPT	B1.203	5	Sáng	1	3	-234567890123-----
25	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0105	3	Nguyễn Thị Phương Trang	25SPT	B1.202	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
26	311241030	Tiếng Anh chuyên ngành	25-0101	2	Mai Hà Thi	25CNTT1	A6-403	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
27	31141001	Toán cơ sở	25-0103	4	Nguyễn Thị Thu Sương	25CNTT1	A5-308	2	Chiều	9	2	-234567890123-----
28	31141001	Toán cơ sở	25-0103	4	Nguyễn Thị Thu Sương	25CNTT1	A6-502	7	Chiều	10	3	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
29	311441028	Lập trình C/C++	25-0101	4	Phạm Anh Phương	25CNTT1	A6-502	3	Sáng	1	3	-234567890123-----
30	311441028	Lập trình C/C++	25-0101	4	Phạm Anh Phương	25CNTT1	A6-502	6	Sáng	4	2	-234567890123-----
31	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0102	3	Tăng Chánh Tín	25CNTT1	A5-403	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
32	311241030	Tiếng Anh chuyên ngành	25-0102	2	Mai Hà Thi	25CNTT2	A6-403	6	Chiều	7	3	-234567890123-----
33	31141001	Toán cơ sở	25-0104	4	Trần Văn Sự	25CNTT2	B3-301	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
34	31141001	Toán cơ sở	25-0104	4	Trần Văn Sự	25CNTT2	B3-401	4	Sáng	5	2	-234567890123-----
35	311441028	Lập trình C/C++	25-0102	4	Phạm Anh Phương	25CNTT2	A6-502	3	Sáng	4	3	-234567890123-----
36	311441028	Lập trình C/C++	25-0102	4	Phạm Anh Phương	25CNTT2	A6-502	4	Sáng	1	2	-234567890123-----
37	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0103	3	Tăng Chánh Tín	25CNTT2	A5-403	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
38	311241030	Tiếng Anh chuyên ngành	25-0103	2	Nguyễn Hoàng Hải	25CNTT3	A6-403	6	Sáng	4	3	-234567890123-----
39	31141001	Toán cơ sở	25-0105	4	Nguyễn Thị Thu Sương	25CNTT3	A5-403	7	Chiều	7	3	-234567890123-----
40	31141001	Toán cơ sở	25-0105	4	Nguyễn Thị Thu Sương	25CNTT3	B3-401	2	Chiều	7	2	-234567890123-----
41	311441028	Lập trình C/C++	25-0103	4	Nguyễn Đình Lầu	25CNTT3	A5-303	5	Chiều	7	3	-234567890123-----
42	311441028	Lập trình C/C++	25-0103	4	Nguyễn Đình Lầu	25CNTT3	A5-404C	5	Chiều	10	2	-234567890123-----
43	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0104	3	Tăng Chánh Tín	25CNTT3	A5-403	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
44	311341031	Toán cao cấp I	25-0101	3	Lương Quốc Tuyển	25SVL	A5-407	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
45	313240979	Nhập môn ngành Sư phạm Vật lý	25-0101	2	Trần Quỳnh	25SVL	B1.106	6	Sáng	4	3	-234567890123-----
46	31341069	Cơ học	25-0101	4	Hoàng Đình Triển	25SVL	B1.203	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
47	31341069	Cơ học	25-0101	4	Hoàng Đình Triển	25SVL	B1.203	7	Chiều	7	2	-234567890123-----
48	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0106	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SVL	A5-407	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
49	31141001	Toán cơ sở	25-0106	4	Nguyễn Thị Sinh	25CVK	B3-405	3	Sáng	4	2	-234567890123-----
50	31141001	Toán cơ sở	25-0106	4	Nguyễn Thị Sinh	25CVK	B3-504	3	Sáng	1	3	-234567890123-----
51	31321087	Nhập môn ngành Vật lý kĩ thuật	25-0101	2	Đinh Thanh Khấn	25CVK	B3-204	4	Chiều	7	3	-234567890123-----
52	313440976	Cơ học và Nhiệt học	25-0101	4	Hoàng Đình Triển	25CVK	B3-507	6	Chiều	7	3	-234567890123-----
53	313440976	Cơ học và Nhiệt học	25-0101	4	Hoàng Đình Triển	25CVK	B3-507	6	Chiều	10	2	-234567890123-----
54	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0125	3	Phạm Thị Tú Trinh	25CVK	B3-502	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
55	311241029	Toán cao cấp	25-0101	2	Nguyễn Thị Thu Sương	25SHH	B1.104	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
56	31321977	Vật lý đại cương	25-0101	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	25SHH	B3-405	6	Chiều	10	3	-234567890123-----
57	313240978	Nhập môn ngành Sư phạm Hoá học	25-0101	2	Nguyễn Minh Thông	25SHH	B1.205	5	Chiều	7	3	-234567890123-----
58	31441299	Hóa đại cương	25-0101	4	Mai Văn Bảy	25SHH	B1.203	2	Sáng	5	2	-234567890123-----
59	31441299	Hóa đại cương	25-0101	4	Mai Văn Bảy	25SHH	B1.203	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
60	31521678	Sinh học đại cương	25-0101	2	Vô Châu Tuấn	25SHH	B1.205	5	Sáng	3	3	-234567890123-----
61	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0107	3	Bùi Thị Thanh Diệu	25SHH	B1.203	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
62	31421797	Thực hành hóa đại cương	25-0103	2	Đoàn Văn Dương	25CHP	B2-205	3	Chiều	7	5	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
63	31421797	Thực hành hóa đại cương	25-0101	2	Nguyễn Thị Thu Hồng	25CHD	B2-205	2	Chiều	8	5	-234567890123-----
64	31421797	Thực hành hóa đại cương	25-0102	2	Nguyễn Thị Thu Hồng	25CHD	B2-205	5	Chiều	8	5	-234567890123-----
65	31441299	Hóa đại cương	25-0102	4	Nguyễn Minh Thông	25CHD	B3-203	7	Chiều	7	3	-234567890123-----
66	31441299	Hóa đại cương	25-0102	4	Nguyễn Minh Thông	25CHD	B3-203	7	Chiều	10	2	-234567890123-----
67	31531678	Sinh học đại cương	25-0101	3	Trần Quang Dân	25CHD	A5-402	5	Sáng	5	2	-234567890123-----
68	31531678	Sinh học đại cương	25-0101	3	Trần Quang Dân	25CHD	A5-402	7	Sáng	5	2	-234567890123-----
69	31141001	Toán cơ sở	25-0107	4	Hoàng Nhật Quy	25SKT1	A6-503	3	Sáng	4	3	-234567890123-----
70	31141001	Toán cơ sở	25-0107	4	Hàng Nhật Quy	25SKT1	B3-501	5	Sáng	5	2	-234567890123-----
71	31421005	Nhập môn ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên	25-0101	2	Trần Đức Mạnh	25SKT1	A5-305	6	Chiều	7	3	-234567890123-----
72	31531008	Tế bào và vi sinh vật	25-0101	3	Phạm Thị Mỹ	25SKT1	B3-401	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
73	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0108	3	Hoàng Thế Hải	25SKT1	B3-301	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
74	31141001	Toán cơ sở	25-0108	4	Ngô Thị Bích Thủy	25SKT2	A6-403	4	Chiều	10	3	-234567890123-----
75	31141001	Toán cơ sở	25-0108	4	Ngô Thị Bích Thủy	25SKT2	B3-301	6	Chiều	11	2	-234567890123-----
76	31421005	Nhập môn ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên	25-0102	2	Lê Thanh Huy	25SKT2	B3-402	4	Chiều	7	3	-234567890123-----
77	31531008	Tế bào và vi sinh vật	25-0102	3	Phạm Thị Mỹ	25SKT2	B3-401	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
78	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0109	3	Hoàng Thế Hải	25SKT2	B3-401	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
79	31321977	Vật lý đại cương	25-0102	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	25SS	B1.205	6	Chiều	7	3	-234567890123-----
80	31421299	Hóa đại cương	25-0101	2	Nguyễn Đình Chương	25SS	B1.205	6	Chiều	10	3	-234567890123-----
81	31531003	Thực vật học	25-0102	3	Ngô Thị Hoàng Vân	25SS	B1.103	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
82	31531681	Sinh học tế bào	25-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	25SS	B1.206	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
83	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0110	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SS	B1.103	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
84	31521004	Hóa môi trường đại cương	25-0101	2	Nguyễn Thị Thu Hồng	25CTM	B3-103	6	Chiều	10	3	-234567890123-----
85	31534011	Cơ sở khoa học môi trường	25-0101	3	Trịnh Đăng Mậu	25CTM	B3-501	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
86	31721993	Xã hội học đại cương	25-0102	2	Phạm Thị Hương	25CTM	A6-202	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
87	31931049	Địa lý đại cương	25-0101	3	Nguyễn Văn An	25CTM	B3-301	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
88	31141001	Toán cơ sở	25-0109	4	Nguyễn Thành Chung	25CNSH	B3-401	3	Chiều	7	3	-234567890123-----
89	31141001	Toán cơ sở	25-0109	4	Nguyễn Thành Chung	25CNSH	B3-402	7	Sáng	5	2	-234567890123-----
90	313240977	Hóa học đại cương	25-0101	2	Đặng Công Nghĩa	25CNSH	A5-404C	4	Sáng	4	3	-234567890123-----
91	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	25-0104	2	Trịnh Đăng Mậu	25CNSH	A5-404C	4	Chiều	7	3	-234567890123-----
92	31531681	Sinh học tế bào	25-0102	3	Võ Châu Tuấn	25CNSH	B3-201	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
93	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0108	3	Lê Thị Thu Hiền	25CNSH	B3-103	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
94	31621068	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	25-0101	2	Nguyễn Văn Quế	25SGC	A5-408	6	Sáng	3	3	-234567890123-----
95	31834012	Lịch sử Triết học phương Đông	25-0101	3	Dương Đình Tùng	25SGC	B1.204	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
96	318341642	Lịch sử các học thuyết chính trị	25-0101	3	Nguyễn Duy Quý	25SGC	A1-201	5	Sáng	1	4	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
97	32021429	Logic học	25-0101	2	Dương Đình Tùng	25SGC	B1.206	7	Chiều	7	3	-234567890123-----
98	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0111	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SGC	A1-201	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
99	31622064	Thanh nhạc 1	25-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	25SAN1	C4-201	3	Sáng	1	5	-234567890123-----
100	31622064	Thanh nhạc 1	25-0102	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	25SAN1	C4-201	3	Chiều	7	5	-234567890123-----
101	31622064	Thanh nhạc 1	25-0103	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	25SAN1	C4-201	4	Sáng	1	5	-234567890123-----
102	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0112	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SAN1	B3-305	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
103	324240214	Kí xướng âm 1	25-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	25SAN1	C4-204	5	Sáng	1	5	-234567890123-----
104	324240214	Kí xướng âm 1	25-0102	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	25SAN1	C4-102	6	Sáng	1	5	-234567890123-----
105	32441003	Nhạc lý	25-0101	4	Trương Quang Minh Đức	25SAN1	C4-202	2	Sáng	1	5	-234567890123-----
106	32441003	Nhạc lý	25-0101	4	Trương Quang Minh Đức	25SAN1	C4-202	5	Chiều	8	5	-234567890123-----
107	31622064	Thanh nhạc 1	25-0104	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	25SAN2	C4-201	2	Sáng	1	5	-234567890123-----
108	31622064	Thanh nhạc 1	25-0105	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	25SAN2	C4-201	2	Chiều	7	5	-234567890123-----
109	31622064	Thanh nhạc 1	25-0106	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	25SAN2	C4-201	6	Chiều	7	5	-234567890123-----
110	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0113	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SAN2	B3-505	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
111	324240214	Kí xướng âm 1	25-0103	2	Hoàng Đình Phương	25SAN2	C4-102	4	Chiều	7	5	-234567890123-----
112	324240214	Kí xướng âm 1	25-0104	2	Hoàng Đình Phương	25SAN2	C4-102	7	Chiều	7	5	-234567890123-----
113	32441003	Nhạc lý	25-0102	4	Trương Quang Minh Đức	25SAN2	C4-202	3	Sáng	1	5	-234567890123-----
114	32441003	Nhạc lý	25-0102	4	Trương Quang Minh Đức	25SAN2	C4-202	5	Sáng	1	5	-234567890123-----
115	31621003	Nhập môn Giáo dục công dân	25-0101	2	Nguyễn Thị Kim Tiến	25SCD	B3-505	4	Sáng	1	3	-234567890123-----
116	31632014	Đạo đức học	25-0101	3	Dương Đình Tùng	25SCD	B3-505	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
117	31641231	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	25-0101	4	Nguyễn Văn Đông	25SCD	A5-303	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
118	31641231	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	25-0101	4	Nguyễn Văn Đông	25SCD	B3-201	2	Chiều	11	2	-234567890123-----
119	32021429	Logic học	25-0102	2	Dương Đình Tùng	25SCD	B3-204	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
120	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0114	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SCD	A1-102	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
121	00131001	Giải phẫu học	25-0101	3	Phạm Tuấn Hùng	25SGT	B3-305	2	Sáng	3	4	-234567890123-----
122	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0115	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SGT	B3-507	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
123	324440218	Điền kinh	25-0101	4	Trần Thị Vi Vân	25SGT	KHOAGDTC	4	Chiều	8	3	-234567890123-----
124	324440218	Điền kinh	25-0101	4	Trần Thị Vi Vân	25SGT	KHOAGDTC	6	Chiều	8	2	-234567890123-----
125	324440218	Điền kinh	25-0102	4	Nguyễn Xuân Hiền	25SGT	KHOAGDTC02	4	Chiều	8	3	-234567890123-----
126	324440218	Điền kinh	25-0102	4	Nguyễn Xuân Hiền	25SGT	KHOAGDTC02	6	Chiều	9	2	-234567890123-----
127	324440219	Thể dục	25-0101	4	Phạm Thị Phượng	25SGT	SVD-19	3	Sáng	4	3	-234567890123-----
128	324440219	Thể dục	25-0101	4	Phạm Thị Phượng	25SGT	SVD-19	5	Sáng	5	2	-234567890123-----
129	324440219	Thể dục	25-0102	4	Nguyễn Thị Thúy Hằng	25SGT	SVD-17	3	Sáng	4	3	-234567890123-----
130	324440219	Thể dục	25-0102	4	Nguyễn Thị Thúy Hằng	25SGT	SVD-17	5	Sáng	5	2	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
131	31641230	Kinh tế học	25-0101	4	Trần Phan Hiếu	25SPL	B3-104	3	Chiều	11	2	-234567890123-----
132	31641230	Kinh tế học	25-0101	4	Trần Phan Hiếu	25SPL	B3-405	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
133	32021429	Logic học	25-0103	2	Dương Đình Tùng	25SPL	B1.204	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
134	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0132	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SPL	B1.106	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
135	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	25-0103	2	Phạm Thị Tú Trinh	25SNV1	B3-501	2	Chiều	8	3	-234567890123-----
136	31721118	Thông hiểu thông tin - truyền thông	25-0101	2	Lê Thị Thanh Tịnh	25SNV1	B3-402	6	Sáng	4	3	-234567890123-----
137	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	25-0101	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	25SNV1	B3-201	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
138	317240886	Văn học Nga	25-0101	2	Vũ Thường Linh	25SNV1	A6-302	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
139	31732153	Hán văn cơ sở	25-0103	3	Hoàng Hoài Thương	25SNV1	B3-306	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
140	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0116	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SNV1	B3-206	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
141	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	25-0104	2	Phạm Thị Tú Trinh	25SNV2	A5-303	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
142	31721118	Thông hiểu thông tin - truyền thông	25-0102	2	Trần Thị Yến Minh	25SNV2	B3-202	4	Sáng	1	3	-234567890123-----
143	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	25-0102	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	25SNV2	A5-403	4	Chiều	7	3	-234567890123-----
144	317240886	Văn học Nga	25-0102	2	Vũ Thường Linh	25SNV2	B3-202	5	Sáng	1	3	-234567890123-----
145	31732153	Hán văn cơ sở	25-0104	3	Hoàng Hoài Thương	25SNV2	A5-303	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
146	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0117	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SNV2	B3-306	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
147	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	25-0103	2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25CVH	B3-302	7	Chiều	10	3	-234567890123-----
148	31731506	Nhập môn lí luận văn học	25-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	25CVH	A5-402	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
149	317440887	Văn học dân gian Việt Nam	25-0101	4	Đàm Nghĩa Hiếu	25CVH	A5-404C	4	Chiều	10	3	-234567890123-----
150	317440887	Văn học dân gian Việt Nam	25-0101	4	Đàm Nghĩa Hiếu	25CVH	A6-402	7	Sáng	5	2	-234567890123-----
151	317440888	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	25-0101	4	Trần Ái Vân	25CVH	A6-202	4	Sáng	4	3	-234567890123-----
152	317440888	Văn học Trung Quốc - Ấn Độ	25-0101	4	Trần Ái Vân	25CVH	A6-403	4	Chiều	8	2	-234567890123-----
153	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0109	3	Lê Thị Thu Hiền	25CVH	A5-402	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
154	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	25-0105	2	Phạm Thị Tú Trinh	25CVHH	A6-403	6	Chiều	10	3	-234567890123-----
155	317240889	Nhập môn Công nghiệp Văn hóa	25-0101	2	Nguyễn Thu Trang	25CVHH	A6-502	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
156	31731022	Lí thuyết văn hóa	25-0101	3	Phạm Thị Tú Trinh	25CVHH	A5-403	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
157	31731025	Nhân học văn hóa	25-0102	3	Hoàng Thị Mai Sa	25CVHH	A5-403	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
158	31821110	Lịch sử văn minh thế giới	25-0101	2	Hoàng Hoài Thương	25CVHH	A6-403	7	Chiều	10	3	-234567890123-----
159	31731044	Lịch sử báo chí	25-0101	3	Phạm Thị Thu Hà	25CBC1	A5-303	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
160	31731073	Lí thuyết truyền thông	25-0101	3	Trần Thị Hòa	25CBC1	B3-306	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
161	31732087	Cơ sở lí luận báo chí	25-0101	3	Phạm Thị Hương	25CBC1	B3-306	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
162	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0110	3	Trần Thị Mai An	25CBC1	B3-306	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
163	31731044	Lịch sử báo chí	25-0102	3	Phạm Thị Thu Hà	25CBC2	B3-306	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
164	31731073	Lí thuyết truyền thông	25-0102	3	Trần Thị Hòa	25CBC2	B3-306	6	Sáng	1	4	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
165	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	25-0102	3	Phạm Thị Hương	25CBC2	B3-306	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
166	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0111	3	Trần Thị Mai An	25CBC2	B3-306	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
167	31731073	Lí thuyết truyền thông	25-0103	3	Trần Thị Hòa	25CQCC1	B3-403	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
168	317340885	Ngôn ngữ truyền thông	25-0101	3	Trần Văn Sáng	25CQCC1	B3-403	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
169	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0112	3	Trần Thị Mai An	25CQCC1	B3-206	4	Sáng	3	4	-234567890123-----
170	31731116	Marketing căn bản	25-0101	3		25CQCC1					4	-234567890123-----
171	31731073	Lí thuyết truyền thông	25-0104	3	Trần Thị Hòa	25CQCC2	B3-101	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
172	317340885	Ngôn ngữ truyền thông	25-0102	3	Trần Văn Sáng	25CQCC2	B3-301	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
173	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0124	3	Nguyễn Thu Trang	25CQCC2	A6-202	6	Chiều	9	4	-234567890123-----
174	31731116	Marketing căn bản	25-0102	3		25CQCC2					4	-234567890123-----
175	31831053	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	25-0101	3	Trần Thị Mai An	25SLS	A5-408	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
176	31841126	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	25-0101	4	Trương Anh Thuận	25SLS	B1.103	2	Sáng	1	2	-234567890123-----
177	31841126	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	25-0101	4	Trương Anh Thuận	25SLS	B1.203	6	Chiều	8	3	-234567890123-----
178	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	25-0101	4	Lê Thị Mai	25SLS	B1.106	5	Sáng	1	2	-234567890123-----
179	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	25-0101	4	Lê Thị Mai	25SLS	B3-504	6	Sáng	4	3	-234567890123-----
180	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0118	3	Lê Thị Ngọc Lan	25SLS	B1.103	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
181	31831007	Các loại hình du lịch	25-0101	3	Tô Văn Hạnh	25CVNH1	B3-201	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
182	31831010	Lịch sử thế giới đại cương	25-0101	3	Trần Xuân Hiệp	25CVNH1	B3-201	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
183	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0113	3	Tăng Chánh Tín	25CVNH1	A5-303	4	Chiều	9	4	-234567890123-----
184	318441640	Nhập môn Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	25-0101	4	Trần Thị Mai An	25CVNH1	A5-308	2	Chiều	11	2	-234567890123-----
185	318441640	Nhập môn Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	25-0101	4	Trần Thị Mai An	25CVNH1	A6-502	5	Chiều	7	3	-234567890123-----
186	31921051	Địa lý Việt Nam	25-0101	2	Nguyễn Đặng Thảo Nguyên	25CVNH1	A5-403	3	Chiều	10	3	-234567890123-----
187	31831007	Các loại hình du lịch	25-0102	3	Tô Văn Hạnh	25CVNH2	B3-201	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
188	31831010	Lịch sử thế giới đại cương	25-0102	3	Đặng Thị Thùy Dương	25CVNH2	B3-101	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
189	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0114	3	Tăng Chánh Tín	25CVNH2	B3-101	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
190	318441640	Nhập môn Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	25-0102	4	Trần Thị Mai An	25CVNH2	A6-503	3	Sáng	1	3	-234567890123-----
191	318441640	Nhập môn Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	25-0102	4	Trần Thị Mai An	25CVNH2	A6-503	5	Chiều	11	2	-234567890123-----
192	31921051	Địa lý Việt Nam	25-0102	2	Nguyễn Thị Thu Hiền	25CVNH2	A5-404C	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
193	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	25-0101	3	Trần Thị Mai An	25CLS	A5-403	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
194	31831029	Nhập môn quan hệ quốc tế	25-0101	3	Trần Như Bắc	25CLS	B3-201	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
195	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0115	3	Hoàng Thị Mai Sa	25CLS	B3-201	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
196	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	25-0102	4	Lê Thị Mai	25CLS	A5-308	7	Chiều	10	3	-234567890123-----
197	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	25-0102	4	Lê Thị Mai	25CLS	B3-202	6	Sáng	1	2	-234567890123-----
198	31821079	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	25-0101	2	Nguyễn Văn Thái	25SLD1	B3-402	7	Sáng	1	3	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
199	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	25-0103	2	Lê Thị Mai	25SLD1	B3-402	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
200	31921022	Bản đồ học đại cương	25-0101	2	Nguyễn Thị Diệu	25SLD1	B3-402	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
201	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	25-0101	4	Lê Ngọc Hành	25SLD1	A5-404C	3	Chiều	10	3	-234567890123-----
202	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	25-0101	4	Lê Ngọc Hành	25SLD1	B3-401	7	Sáng	5	2	-234567890123-----
203	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0119	3	Lê Thị Ngọc Lan	25SLD1	B3-401	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
204	31821079	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	25-0102	2	Trương Anh Thuận	25SLD2	B3-502	5	Chiều	10	3	-234567890123-----
205	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	25-0104	2	Nguyễn Thị Hồng Yến	25SLD2	A5-404B	6	Sáng	4	3	-234567890123-----
206	31921022	Bản đồ học đại cương	25-0102	2	Nguyễn Thị Diệu	25SLD2	A6-202	5	Chiều	7	3	-234567890123-----
207	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	25-0102	4	Lê Ngọc Hành	25SLD2	A6-403	2	Sáng	1	3	-234567890123-----
208	31942146	Địa lí tự nhiên đại cương	25-0102	4	Lê Ngọc Hành	25SLD2	B3-201	6	Chiều	11	2	-234567890123-----
209	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0120	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SLD2	B3-103	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
210	31321984	Vật lí thiên văn	25-0102	2	Lê Thị Phương Thảo	25SDL	B1.105	4	Sáng	1	3	-234567890123-----
211	318241641	Địa chất đại cương	25-0101	2	Nguyễn Văn An	25SDL	A5-306	7	Sáng	1	3	-234567890123-----
212	31931022	Bản đồ học đại cương	25-0101	3	Nguyễn Thị Diệu	25SDL	B3-405	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
213	31931050	Trái đất - Thạch quyển	25-0101	3	Lê Ngọc Hành	25SDL	A5-306	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
214	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0121	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25SDL	A5-306	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
215	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0116	3	Hoàng Thị Mai Sa	25CDDL	A5-308	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
216	31921022	Bản đồ học đại cương	25-0103	2	Nguyễn Thị Diệu	25CDDL	A6-403	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
217	31921076	Bản đồ học	25-0101	2	Nguyễn Thị Diệu	25CDDL	A6-403	4	Sáng	1	3	-234567890123-----
218	31921169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	25-0101	2	Bùi Trọng Ngươn	25CDDL	A6-403	2	Sáng	4	3	-234567890123-----
219	31921912	Tổng quan du lịch	25-0101	2	Nguyễn Thanh Tường	25CDDL	A6-403	3	Sáng	4	3	-234567890123-----
220	31931003	Địa lí tự nhiên đại cương	25-0101	3	Lê Ngọc Hành	25CDDL	A5-402	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
221	31931004	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	25-0101	3	Trương Văn Cảnh	25CDDL	A5-402	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
222	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0117	3	Nguyễn Thu Trang	25CTL1	A6-503	4	Sáng	2	4	-234567890123-----
223	32031011	Tâm lý học đại cương 1	25-0101	3	Nguyễn Thị Trâm Anh	25CTL1	A6-202	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
224	32031413	Lịch sử tâm lý học	25-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	25CTL1	B3-101	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
225	320340730	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	25-0101	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25CTL1	B3-101	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
226	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	25-0101	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	25CTL1	A5-404C	7	Chiều	8	2	-234567890123-----
227	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	25-0101	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	25CTL1	A6-503	2	Sáng	1	3	-234567890123-----
228	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0118	3	Lê Thị Thu Hiền	25CTL2	B3-403	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
229	32031413	Lịch sử tâm lý học	25-0102	3	Bùi Thị Thanh Diệu	25CTL2	B3-403	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
230	320340730	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	25-0102	3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	25CTL2	B3-101	5	Chiều	9	4	-234567890123-----
231	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	25-0102	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	25CTL2	A5-404C	7	Chiều	10	3	-234567890123-----
232	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	25-0102	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	25CTL2	A6-503	2	Sáng	4	2	-234567890123-----

STT	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
233	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0119	3	Phạm Thị Tú Trinh	25CTXH	A5-402	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
234	32027041	Giáo dục học đại cương	25-0101	2	Lê Thị Hiền	25CTXH	A5-303	3	Chiều	7	3	-234567890123-----
235	32031504	Nhập môn công tác xã hội	25-0101	3	Bùi Đình Tuấn	25CTXH	A5-402	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
236	32031713	Tâm lý học đại cương	25-0101	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25CTXH	A5-402	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
237	320340729	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể	25-0101	3	Bùi Đình Tuấn	25CTXH	A5-402	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
238	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0122	3	Lê Mỹ Dung	25STH1	B3-303	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
239	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0108	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	25STH1	B3-506	2	Chiều	7	3	-234567890123-----
240	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0101	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	25STH1	B3-203	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
241	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0101	3	Nguyễn Thị Thuý Nga	25STH1	B3-203	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
242	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0101	4	Lê Văn Trung	25STH1	B3-102	7	Sáng	2	2	-234567890123-----
243	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0101	4	Lê Văn Trung	25STH1	B3-302	7	Sáng	4	3	-234567890123-----
244	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0123	3	Lê Mỹ Dung	25STH2	B3-203	6	Sáng	3	4	-234567890123-----
245	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0109	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	25STH2	B3-501	3	Chiều	7	3	-234567890123-----
246	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0102	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	25STH2	A5-404B	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
247	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0102	3	Nguyễn Thị Thuý Nga	25STH2	A5-303	7	Chiều	9	4	-234567890123-----
248	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0102	4	Lê Văn Trung	25STH2	A5-305	4	Chiều	10	2	-234567890123-----
249	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0102	4	Lê Văn Trung	25STH2	B3-103	6	Chiều	7	3	-234567890123-----
250	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0124	3	Nguyễn Thị Phương Trang	25STH3	B3-103	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
251	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0110	2	Nguyễn Thị Tường Vi	25STH3	B3-102	4	Sáng	1	3	-234567890123-----
252	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0103	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	25STH3	B3-103	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
253	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0103	3	Nguyễn Thị Thuý Nga	25STH3	B3-103	5	Sáng	1	4	-234567890123-----
254	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0103	4	Lê Văn Trung	25STH3	A5-304	4	Chiều	7	3	-234567890123-----
255	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0103	4	Lê Văn Trung	25STH3	A5-404C	6	Sáng	4	2	-234567890123-----
256	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0125	3	Nguyễn Thị Phương Trang	25STH4	B3-103	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
257	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0111	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	25STH4	A5-304	7	Sáng	4	3	-234567890123-----
258	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0104	3	Hoàng Nam Hải	25STH4	A6-302	4	Chiều	9	4	-234567890123-----
259	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0104	3	Lê Sao Mai	25STH4	B3-103	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
260	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0104	4	Lê Văn Trung	25STH4	A5-404B	7	Chiều	7	3	-234567890123-----
261	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0104	4	Lê Văn Trung	25STH4	B3-306	4	Sáng	5	2	-234567890123-----
262	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0126	3	Lê Mỹ Dung	25STH5	B3-103	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
263	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0112	2	Bùi Thị Thơ	25STH5	A5-307	5	Sáng	1	3	-234567890123-----
264	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0105	3	Nguyễn Thị Hà Phương	25STH5	A6-503	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
265	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0105	3	Lê Sao Mai	25STH5	B3-101	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
266	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0105	4	Lê Văn Trung	25STH5	A5-305	7	Chiều	10	2	-234567890123-----

*Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
267	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0105	4	Lê Văn Trung	25STH5	B3-101	4	Sáng	1	3	-234567890123-----
268	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0127	3	Bùi Thị Thanh Diệu	25STH6	B3-203	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
269	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0113	2	Bùi Thị Thơ	25STH6	B3-102	4	Chiều	10	3	-234567890123-----
270	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0106	3	Kiều Mạnh Hùng	25STH6	B3-203	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
271	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0106	3	Lê Sao Mai	25STH6	B3-203	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
272	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0106	4	Phạm Thị Thu Hương	25STH6	A5-402	6	Chiều	7	3	-234567890123-----
273	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0106	4	Phạm Thị Thu Hương	25STH6	B3-206	7	Sáng	5	2	-234567890123-----
274	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0128	3	Lê Mỹ Dung	25STH7	B3-203	3	Chiều	7	4	-234567890123-----
275	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0114	2	Võ Thị Bích Thủy	25STH7	A6-502	2	Sáng	4	3	-234567890123-----
276	32231015	Cơ sở Toán học 1 của việc dạy học toán tiểu học	25-0107	3	Nguyễn Thị Hà Phương	25STH7	B3-203	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
277	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	25-0107	3	Lê Sao Mai	25STH7	B3-203	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
278	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0107	4	Phạm Thị Thu Hương	25STH7	A6-503	6	Chiều	10	2	-234567890123-----
279	32241967	Văn học thiếu nhi	25-0107	4	Phạm Thị Thu Hương	25STH7	B3-401	7	Sáng	1	3	-234567890123-----
280	31231007	Lập trình Scratch	25-0101	3	Đinh Thị Mỹ Hạnh	25STC1	B3-105	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
281	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0129	3	Lê Mỹ Dung	25STC1	B3-507	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
282	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0115	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	25STC1	B3-505	4	Chiều	8	3	-234567890123-----
283	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	25-0108	2	Lê Sao Mai	25STC1	B3-304	2	Sáng	4	3	-234567890123-----
284	322240859	Môi trường và phát triển	25-0101	2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	25STC1	B3-405	3	Sáng	1	3	-234567890123-----
285	32232185	Công nghệ và đời sống	25-0103	3	Phan Thảo Thơ	25STC1	B1.102	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
286	31231007	Lập trình Scratch	25-0102	3	Trần Văn Hưng	25STC2	B3-507	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
287	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0130	3	Lê Mỹ Dung	25STC2	B1.103	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
288	32221683	Sinh lý học trẻ em	25-0116	2	Nguyễn Công Thùy Trâm	25STC2	B1.204	5	Sáng	1	3	-234567890123-----
289	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	25-0109	2	Lê Sao Mai	25STC2	B3-105	2	Sáng	1	3	-234567890123-----
290	322240859	Môi trường và phát triển	25-0102	2	Nguyễn Tiên Hoàng	25STC2	B3-205	3	Sáng	4	3	-234567890123-----
291	32232185	Công nghệ và đời sống	25-0104	3	Lương Văn Thọ	25STC2	B3-105	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
292	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0120	3	Phạm Thị Tú Trinh	25SMN1	B3-503	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
293	322240860	Việt ngữ học cơ sở	25-0101	2	Lê Thị Thanh Nhân	25SMN1	A5-404B	2	Sáng	1	3	-234567890123-----
294	322340861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	25-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	25SMN1	B3-503	4	Chiều	7	4	-234567890123-----
295	32321903	Toán cơ sở	25-0101	2	Kiều Mạnh Hùng	25SMN1	A5-305	3	Chiều	10	3	-234567890123-----
296	32331687	Sinh lý học trẻ em	25-0101	3	Trần Hồ Uyên	25SMN1	B3-503	4	Sáng	1	4	-234567890123-----
297	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0121	3	Phạm Thị Tú Trinh	25SMN2	B3-403	3	Sáng	1	4	-234567890123-----
298	322240860	Việt ngữ học cơ sở	25-0102	2	Lê Thị Thanh Nhân	25SMN2	A6-302	2	Chiều	7	3	-234567890123-----
299	322340861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	25-0102	3	Bùi Thị Thanh Diệu	25SMN2	B3-503	7	Chiều	7	4	-234567890123-----
300	32321903	Toán cơ sở	25-0102	2	Nguyễn Thị Hà Phương	25SMN2	A5-404B	5	Sáng	1	3	-234567890123-----

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												12345678901234567
301	32331687	Sinh lý học trẻ em	25-0102	3	Trần Hồ Uyên	25SMN2	B3-503	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
302	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0122	3	Hoàng Thị Mai Sa	25SMN3	B3-403	2	Chiều	7	4	-234567890123-----
303	322240860	Viết ngữ học cơ sở	25-0103	2	Lê Thị Thanh Nhân	25SMN3	A5-304	5	Sáng	4	3	-234567890123-----
304	322340861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	25-0103	3	Nguyễn Thị Phương Trang	25SMN3	B3-303	6	Sáng	1	4	-234567890123-----
305	32321903	Toán cơ sở	25-0103	2	Kiều Mạnh Hùng	25SMN3	A5-305	5	Sáng	1	3	-234567890123-----
306	32331687	Sinh lý học trẻ em	25-0103	3	Trần Hồ Uyên	25SMN3	B3-303	5	Chiều	7	4	-234567890123-----
307	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	25-0123	3	Nguyễn Thu Trang	25SMN4	B3-206	5	Sáng	2	4	-234567890123-----
308	322240860	Viết ngữ học cơ sở	25-0104	2	Lê Thị Thanh Nhân	25SMN4	A5-304	5	Chiều	8	3	-234567890123-----
309	322340861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	25-0104	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SMN4	B3-503	2	Sáng	1	4	-234567890123-----
310	32321903	Toán cơ sở	25-0104	2	Nguyễn Thị Hà Phương	25SMN4	A5-304	6	Sáng	1	3	-234567890123-----
311	32331687	Sinh lý học trẻ em	25-0104	3	Trần Hồ Uyên	25SMN4	B3-303	6	Chiều	7	4	-234567890123-----
312	32031719	Tâm lý học giáo dục	25-0131	3	Hồ Thị Thuý Hằng	25SMT	B3-305	7	Sáng	1	4	-234567890123-----
313	324240216	Hình họa 1	25-0101	2	Trương Thị Khánh Trang	25SMT	C4-101	3	Chiều	7	5	-234567890123-----
314	324240216	Hình họa 1	25-0102	2	Trương Thị Khánh Trang	25SMT	C4-101	4	Chiều	7	5	-234567890123-----
315	324240217	Cơ sở tạo hình 1	25-0101	2	Lê Thị Hoài Thương	25SMT	C4-204	6	Chiều	7	5	-234567890123-----
316	324240217	Cơ sở tạo hình 1	25-0102	2	Lê Thị Hoài Thương	25SMT	C4-204	6	Sáng	1	5	-234567890123-----
317	324340215	Định luật xa gần	25-0101	3	Lê Thị Hoài Thương	25SMT	B3-505	2	Sáng	1	4	-234567890123-----

Ghi chú:

- Các mốc thời gian kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nghỉ tết, ... theo kế hoạch năm học 2025-2026. Các lớp học phần bố trí còn thiếu số tiết trong Thời khóa biểu, Giảng viên tự bố trí dạy bù theo quy định.
- Giảng viên, Sinh viên xem Thời khóa biểu cá nhân tại website: <http://qlht.ued.udn.vn>.

Đà Nẵng, ngày 3 tháng 9 năm 2025

TS. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG P.ĐÀO TẠO

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM

TS. Trần Đức Mạnh